

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2014/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 16 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2012/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định nội dung, mức chi cho công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh Phú Thọ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2494/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; kinh phí phục vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp; Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật các cấp; các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi là công tác phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ).

1.2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Nội dung, mức chi, nguồn kinh phí thực hiện

2.1. Nội dung chi, mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được quy định cụ thể tại Phụ biểu kèm theo Nghị quyết này.

2.2. Các nội dung bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ không quy định tại Khoản 2.1, Điều 1 Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

2.3. Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở do ngân sách nhà nước bảo đảm và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVII, kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND, VPCP;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQ tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- TPP, CV;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ BIỂU

Quy định một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Nghị quyết số: 05/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; Các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
a	Xây dựng đề cương			
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	630	
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.050	
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
-	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, đề án, kế hoạch	2.100	
-	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	350	
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý			
-	Chủ trì	Người/buổi	105	
-	Thành viên dự	Người/buổi	70	
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	300	
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
-	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	140	
-	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	105	
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	70	
-	Nhận xét, phân biện của Hội đồng	Bài viết	210	
-	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	140	
c	Lấy ý kiến thẩm định	Bài viết	350	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch
d	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	350	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
2	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật			
a	Thù lao báo cáo viên	Người/buổi		
-	Thù lao báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bí thư tỉnh uỷ và các chức danh tương đương:	Người/buổi	700	
-	Thù lao báo cáo viên là Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh uỷ và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sỹ khoa học:	Người/buổi	560	
-	Thù lao báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các chức danh tương đương; phó Giáo sư; Tiến sỹ; giảng viên chính:	Người/buổi	420	
-	Thù lao báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên):	Người/buổi	350	
-	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	210	
b	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi		Tuỳ theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại điểm a của mục này
c	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi		Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại điểm a,b mục này
3	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù			
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	700	
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	210	
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.050	
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	3.500	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt			
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	20	Thời gian tối đa 01 ngày
b	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	7	Thời gian tối đa 02 buổi
6	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường			
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Ngày	Bằng 175% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	Chỉ áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
b	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	Bằng 105% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	
7	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi			
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác			
-	Chi biên soạn đề thi (bao gồm cả hướng dẫn và đáp án); tối đa không quá 5 người.	Người/ngày		Tối đa không quá 02 ngày
+	Thi trắc nghiệm		210	
+	Thi tự luận		350	
-	Chi bồi dưỡng Ban giám khảo, xét công bố kết quả cuộc thi (tối đa không quá 7 người)	Người/ngày	105	Tối đa không quá 03 ngày

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
-	Chi bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức, thư ký, giám thị	Người/ngày	105	
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:			
-	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày		
+	Cuộc thi cấp tỉnh		1.400	
+	Cuộc thi cấp huyện		1.000	
+	Cuộc thi cấp xã		700	
-	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày		
+	Cấp tỉnh			
	Hội trường 500 ghế ngồi		8.800	
	Hội trường từ 300 đến dưới 500 ghế ngồi		7.000	
	Hội trường từ 100 đến dưới 300 ghế ngồi		3.500	
	Phòng từ 50 đến dưới 100 ghế ngồi		2.650	
	Phòng từ 20 đến dưới 50 ghế ngồi		720	
	Phòng từ dưới 20 ghế ngồi		660	
+	Cấp huyện		Tính bằng 70% mức chi cấp tỉnh	
+	Cấp xã		Tính bằng 70% mức chi cấp huyện	
-	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	200	
	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)			Thực hiện theo thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính
c	Chi giải thưởng			
*	Cuộc thi cấp tỉnh			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.000	
	+ Cá nhân		4.200	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		4.900	
	+ Cá nhân		2.100	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.500	
	+ Cá nhân		1.400	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.100	
	+ Cá nhân		700	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
*	Cuộc thi cấp huyện			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		4.900	
	+ Cá nhân		2.900	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.400	
	+ Cá nhân		1.400	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.400	
	+ Cá nhân		1.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.400	
	+ Cá nhân		500	
*	Cuộc thi cấp xã			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.400	
	+ Cá nhân		2.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.400	
	+ Cá nhân		1.000	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.700	
	+ Cá nhân		700	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.000	
	+ Cá nhân		350	
8	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở			
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	50	Tính theo trang chuẩn 350 từ
b	Bồi dưỡng phát thanh			
	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	10	
	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	15	
9	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật			
	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm	Tủ/năm	2.000	
	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	70	
	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	30	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
10	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chương trình, đề án, kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật			
a	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo	Báo cáo		
-	Cấp tỉnh		30	
-	Cấp huyện		20	
-	Cấp xã		10	
b	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản		
-	Cấp tỉnh		30	
-	Cấp huyện		20	
-	Cấp xã		10	
c	Viết báo cáo			
-	Báo cáo định kỳ hàng năm	Báo cáo		
+	Cấp tỉnh		500	
+	Cấp huyện		350	
+	Cấp xã		20	
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo		
+	Cấp tỉnh		500	
+	Cấp huyện		350	
+	Cấp xã		20	
-	Báo cáo đột xuất	Báo cáo		
+	Cấp tỉnh		350	
+	Cấp huyện		240	
+	Cấp xã		15	
11	Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thành, thị thuộc tỉnh			
a	Khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thành, thị được UBND cấp tỉnh công nhận đạt chuẩn	Tương đương tập thể lao động xuất sắc	Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở	
b	Khen thưởng xã, phường, thị trấn được UBND cấp tỉnh tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh	Bằng khen	Bằng 2 lần mức lương cơ sở	